

Bản án số: **07/2020/HSST**

Ngày 29-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Ông Phạm Quang Hà

Ông Chung Nguyễn Hữu Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BPhước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Văn Cẩm và ông Trần Minh Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/HSST-QĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Duy L, sinh năm 1990 tại Lâm Đồng; Hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã P, huyện B, tỉnh BPhước; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Duy B, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 01 (Ngày 06/8/2008 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BPhước xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”); Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2009 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lương Văn K, sinh năm 1986 tại Lạng Sơn; Hộ khẩu thường trú: thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh BPhước; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Con ông Lương Văn Q (chết) và bà Hoàng Thị V (chết); Có vợ là Thị Mar, sinh năm 1993 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2014 cho đến ngày 29/10/2014 được tại ngoại, bị bắt lại ngày 12/6/2015 đến ngày 16/5/2016 được tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Chu Quang T, sinh năm 1990 tại Thái Nguyên; Hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã T, huyện B, tỉnh BPhước; Nghề nghiệp: thợ cắt tóc; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông Chu Quang T, sinh năm 1965 và bà Triệu Thị D, sinh năm 1969; có vợ Trần Thị Thanh T, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/8/2014 cho đến ngày 30/12/2015 được tại ngoại; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1992 tại Thái Nguyên; Hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh BPhước; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Triệu Thị H, sinh năm 1965; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/11/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh BPhước xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 09/8/2013 cho đến ngày 15/8/2013 và thời gian thi hành án từ ngày 07/11/2016 đến ngày 20/6/2019 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Anh Trương Thanh T5, sinh năm 1990 (đã chết).

***Đại diện hợp pháp của bị hại:**

- Ông Trương Á, sinh năm 1952 (có mặt)
- Bà Ngô Thị T, sinh năm 1956 (có mặt)

Cùng trú tại: Thôn Đăk La, xã Đăk Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh BPhước.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Triệu Thị T2, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Trú tại: Ấp 5, xã P, huyện B, tỉnh BPhước.

***Người làm chứng:**

1. Triệu Quang B, sinh năm 1990 (vắng mặt)
 2. Phạm Duy T3, sinh năm 1992 (vắng mặt)
 3. Lương Văn C, sinh năm 1988 (vắng mặt)
 4. Lương Văn P, sinh năm 1989 (vắng mặt)
- Cùng trú tại: Thôn 5, xã P, huyện B, tỉnh BPhước.
5. Hoàng Mạnh C, sinh năm 1984 (vắng mặt)
- Trú tại: Thôn 4, xã P, huyện B, tỉnh BPhước.
6. Nguyễn Trường G, sinh năm 1992 (vắng mặt)
- Trú tại: Thôn 3, xã P, huyện B, tỉnh BPhước.
7. Hà Kim L, sinh năm 1992 (vắng mặt)
- Trú tại: Thôn 2, xã P, huyện B, tỉnh BPhước.
8. Hà Chí T4, sinh năm 1991 (vắng mặt)
- Trú tại: ấ 3, xã T, huyện B, tỉnh BPhước.

9. Chu Văn Hải L1, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 2, xã T, huyện B, tỉnh BPhước.

10. Huỳnh Văn Nh, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Trú tại : Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh BPhước.

11. Trịnh Thị Q, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 11, xã T, huyện B, tỉnh BPhước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 23/3/2009, Trương Thanh T5, sinh năm: 1990, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xã Đ, huyện B, tỉnh BPhước, Nguyễn Ngọc T1, Chu Quang T, Chu Văn Hải L1 cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã T, huyện B; Phạm Duy L, Phạm Duy T3 (là em trai của L), Lương Văn K, Lương Văn H (là em trai của K), Triệu Quang B, sinh năm 1990 và Hà Chí T4 cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã P, huyện B đến dự tiệc cưới tại nhà Hoàng Văn Giang thuộc thôn 5, xã P, huyện B, tỉnh BPhước.

Trong lúc dự đám cưới, T1 lên sân khấu hát và làm rơi micro xuống sàn, thấy vậy B đến hỏi T1 lý do làm rơi micro, thì giữa T1 và B xảy ra cãi nhau nhưng được mọi người can ngăn, nên nhóm của T1 đi ra trước cổng nhà anh Giang gần K vực sân khấu đám cưới. Lúc này, B, L và T3 cũng đi ra theo rồi xảy ra cãi nhau. B nói với T1 “Tại sao bọn mày xuống đám cưới bạn tao quậy phá”. T1 nói “Dân Phước Sơn tao thích chém đũa nào thì chém”. Nghe vậy, B chạy vào K vực đám cưới lấy 02 vỏ chai bia đuổi theo T1 chạy dọc theo đường nhựa liên thôn khoảng 10 mét, theo hướng P đi xã T, thì đuổi kịp và đập trúng đầu T1 01 cái, B tiếp tục nhặt 01 khúc cây lồ ô dài khoảng 1,5 mét đánh T1, T1 cũng nhặt 01 tấm ván để đánh lại B. Thấy B đánh T1, nên L và H vào kéo B ra thì L bị T dùng 01 cục đá 4x6cm ném trúng đuôi mắt phải của L làm L ngã xuống mương nước, rồi T bỏ đi. Thấy vậy, T3 chạy đến dùng tay đánh T 01 cái, L cũng chạy đến đánh T thì T bỏ chạy về hướng xã T, huyện B. L đuổi theo T nhưng không đuổi kịp. Trong lúc K đang ngồi ở đám cưới tại vị trí cách nơi nhóm của L to tiếng khoảng 13 mét và cách mép đường nhựa khoảng 15 mét, nghe nói (không rõ ai nói) “nhóm thống nhất đánh nhau với nhóm Phước Sơn” và nhìn thấy T5 đang đứng trên đường (phía trước nhà bà T2), thấy T5 lạ mặt, nghĩ T5 là nhóm của xã Thống Nhất, nên K chạy đến dùng tay đâm vào vai, dùng chân đá vào chân của T5 làm T5 ngã xuống đường và tiếp tục dùng chân đá tiếp 01 cái trúng vùng mông của T5 rồi tiếp tục đuổi đánh Hà Chí T4 và nhóm thanh niên xã Thống Nhất chạy về hướng xã Thống Nhất. Trong lúc này, L

cũng đuổi đánh T chạy về hướng xã Thống Nhất, nhưng không đuổi kịp, khi đến đoạn đường đối diện trước nhà bà Triệu Thị T2, thì L thấy T5 đang té nằm trên đường với tư thế nhắc đầu để đứng dậy. Thấy vậy, L dùng chân phải đang mang giày da đá mạnh vào đầu T5 khoảng 02 đến 03 cái và bỏ đi đến cổng nhà bà T2, rồi L đi vào nhà bà T2 tìm hung khí để ra đánh nhóm thanh niên xã Thống Nhất, nhưng được bà T2 can ngăn, nên L bỏ đi ra ngoài. Sau đó, L tiếp tục đi vào bếp nhà bà T2 tìm và lấy 01 cái chày bằng Inox dài 20cm rồi chạy ra sân thì Hoàng Mạnh C cư trú thôn 4, xã P, huyện B nhìn thấy và can ngăn lấy chày đưa cho bà T2 cất giữ.

Đối với Trương Thanh T5, sau khi bị L đánh thì được Huỳnh Văn N, Lý Đức Th đưa lên xe mô tô chở đến trạm xá xã Thống Nhất cấp cứu và sau đó chuyển đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước nhưng do chấn thương nặng nên đến ngày 26/3/2009 thì T5 tử vong.

Biên bản khám nghiệm tử thi số 104/2009 ngày 26/3/2009 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước xác định: Trương Thanh T5 có thương tích như sau:

1. Khám bên ngoài:

I/ Đầu - Mặt - Cổ:

- Mũi thoát máu. Đầu tóc nhiều;
- Vùng cổ trước lệch trái có vết xây xước da nhỏ;

II/ Ngực - Bụng - Lưng:

- Không phát hiện dấu vết xây xước bầm máu;

III/ Tứ chi:

- Hai Kỷu tay có vết xây xước da nhỏ;
- Chân phải: 1/3 dưới mặt trước cẳng chân có vết xây xước da (2,0 x 0,5)cm.

Mu bàn chân xây xước da nhỏ. Đầu ngón chân 1, 2, 3 xây xước da;

- Chân trái: Xây xước da lưng đầu ngón 1, 2, 3, 4 bàn chân;
- Trục chi không biến dạng, hệ thống xương không dập gãy;

2. Mổ tử thi:

- Vùng Thái dương trái có vết bầm tụ máu dưới da hình không rõ dạng, kích thước đo được (8,0 x 4,0)cm có chiều rộng ở vị trí trước sau (rộng nhất)

- Vùng Chẩm lệch phải có vết bầm tụ máu dưới da, kích thước (4,0 x 7,0)cm;

- Xương hộp sọ không nứt vỡ;

- Không tụ máu ngoài màng cứng;

- Đại não trái vùng Thái dương có ổ xuất huyết, dập tổ chức não diện rộng, kích thước đo được (6,0 x 4,0)cm;

- Giãn mạch máu đại não phải, xuất huyết lan tỏa dạng nhẹ;

- Tiểu não bên phải xuất huyết màng mềm diện rộng.

Kết luận giám định: Nạn nhân bị tác động bởi vật tày phẳng, tác động mạnh vào vùng đầu gây chấn thương sọ não, xuất huyết nội sọ, dập tổ chức não hôn mê sâu không hồi phục dẫn đến tử vong.

Tại bản kết luận giám định số 2917/C54B ngày 27/10/2015 của Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh – Tổng cục Cảnh sát xác định như sau: Căn cứ kết quả nghiên cứu các dấu vết tổn thương vùng thái dương trái và vùng chẩm của tử thi Trương Thanh T5 ghi nhận được qua các hồ sơ, tài liệu gửi giám định và kết quả nghiên cứu tang vật gửi giám định, kết luận:

- Tổn thương vùng đầu nạn nhân do vật tày tác động tạo ra.
- Chày bằng Inox màu trắng mẫu vật gửi giám định có thể tạo ra được thương T2 này.

Tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 138/2017/TgT ngày 20/7/2017 của Trung tâm giám định y khoa - pháp y Sở Y tế tỉnh Bình Phước kết luận: Khi bị can đi giày vào chân, đá vào đầu phía thái dương của Trương Thanh T5 với lực mạnh, nhiều lần có thể gây ra được những tổn thương trên đầu của Trương Thanh T5.

Tại bản kết luận giám định pháp y qua hồ sơ số 12/2020/HS ngày 14/02/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Phước kết luận: Khi bị can đi giày (vật chứng giám định) đá vào đầu phía thái dương bên trái của Trương Thanh T5 với lực mạnh, nhiều lần có thể gây ra được những tổn thương trên đầu của Trương Thanh T5.

Tại Bản án số 23/2011/HSST ngày 28/6/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên xử bị cáo Phạm Duy L phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 BLHS. Kiến nghị TANDTC hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại do có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm về tội “Giết người” và bỏ lọt tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Ngày 04/7/2011 bị cáo Phạm Duy L có đơn kháng cáo kêu oan.

Bản án số 632/2011/HSPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2011/HSST ngày 28/6/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước để điều tra, xét xử lại với các lý do sau:

“Trong lúc đánh nhau Lương Văn K đánh, đá nạn nhân Trương Thanh T5 té xuống đường, tiếp đến Phạm Duy L cầm chày đánh nạn nhân gây tử vong. Như vậy, cần làm rõ mối liên hệ nhân quả giữa hành vi của Lương Văn K với cái chết của anh T5 và lời nói của Phạm Duy L “đánh chết mẹ nhóm thanh niên xã Thống Nhất đi” có ảnh hưởng như thế nào đến hành động của Lương Văn K.

Thiết nghĩ cần đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ dấu hiệu tội “Gây rối trật tự công cộng” và đồng phạm về tội “Giết người”. Vì chưa được làm rõ các hành vi trên nên không thể đánh giá vai trò của bị cáo Phạm Duy L”.

Bản án số 19/2016/HSST ngày 06/7/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên bố bị cáo Phạm Duy L phạm tội “Giết người”; các bị cáo Lương Văn K, Chu Quang T và Nguyễn Ngọc T1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

Ngày 12/7/2016 bị cáo Phạm Duy L có đơn kháng cáo kêu oan, ngày 15/11/2016 bị cáo L có đơn xin thay đổi nội dung đơn kháng cáo sang xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo L thay đổi yêu cầu cho rằng bị cáo không phạm tội “Giết người”.

Tại Bản án số 589/2018/HSPT ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2016/HSST ngày 06/7/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước để điều tra xét xử lại đối với việc:

“Tại các biên bản lấy lời khai của các nhân chứng trong vụ án, cũng như lời khai của bị cáo Lương Văn K tại phiên tòa đều thể hiện nội dung bị cáo Lương Văn K có tham gia đánh bị hại T5. Bị cáo K có hành vi đâm đá làm cho bị hại K té ngã xuống đất, sau khi bị hại T5 té ngã bị cáo K còn có hành vi dùng chân đạp lên bụng bị hại T5 (theo lời khai của nhân chứng Trịnh Thị Q). Sau khi Lương Văn K đánh bị hại T5 té ngã thì bị cáo Phạm Duy L mới có điều kiện thuận lợi để thực hiện hành vi phạm tội.

Như vậy, để bị cáo Phạm Duy L thực hiện thuận lợi, trót lọt hành vi phạm tội của bị cáo là do có sự hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất cho bị cáo là hành vi của Lương Văn K nhưng Lương Văn K chỉ bị cấp sơ thẩm truy tố, xét xử về tội “Gây rối trật tự công cộng” là không đúng với bản chất của hành vi cũng như hậu quả do các bị cáo gây ra. Hành vi trên của Lương Văn K có dấu hiệu của tội “Giết người” với vai trò đồng phạm. Việc xác định được vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của Lương Văn K sẽ ảnh hưởng việc phân hóa vai trò trách nhiệm, vai trò đồng phạm cũng có thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo trong vụ án. Nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ các vấn đề này.”

Tại Cáo trạng số 45/CTr-VKS ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BPhước truy tố bị cáo Phạm Duy L về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự; Truy tố các bị cáo Lương Văn K, Chu Quang T và Nguyễn Ngọc T1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Phạm Duy L, Lương Văn K, Chu Quang T và Nguyễn Ngọc T1 thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước

đã truy tố, đồng thời xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo LT3 nhất tưng nguyện bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước giữ nguyên bản cáo trạng số 45/CTr-VKS ngày 30/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố và Công văn số 37/VKS-P2 ngày 22/4/2020 về việc bổ sung cáo trạng. Đề nghị HĐXX tuyên xử bị cáo Phạm Duy L về tội "Giết người" theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo L mức án từ 12 đến 13 năm tù;

Các bị cáo Lương Văn K, Chu Quang T và Nguyễn Ngọc T1 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Lương Văn K mức án từ 15 đến 18 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Chu Quang T mức án từ 16 tháng 01 ngày tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Phạm Duy L với đại diện hợp pháp của người bị hại. Buộc bị cáo L bồi thường cho ông Á, bà Th số tiền 80.000.000 đồng.

Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BPhước đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phạm Duy L, Lương Văn K, Chu Quang T, Nguyễn Ngọc T1, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Duy L, Lương Văn K, Chu Quang T và Nguyễn Ngọc T1: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố; Xét lời khai nhận tội của các bị cáo cơ bản phù hợp với nhau, đồng thời phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp biên bản khám nghiệm

hiện trường, vật chứng của vụ án cùng những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 23/3/2009, tại tiệc cưới của anh Hoàng Văn G ở thôn 5, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước. Do Nguyễn Ngọc T1 khi lên hát đã làm rơi micro xuống đất dẫn đến xảy ra việc đánh nhau giữa nhóm của Nguyễn Ngọc T1, Chu Quang T với nhóm của Phạm Duy L và Lương Văn K ở đường, phía trước đám cưới nhà anh G. Trong lúc đánh nhau, T1 cầm tấm ván gỗ nhưng được mọi người can ngăn, nên chưa đánh được ai. T cầm cục đá ném trúng vùng mặt L chảy máu. K nghe nói có người đánh em trai mình nên khi thấy Trương Thanh T5 đang đứng trên đường, K đã dùng tay nắm vào vai, dùng chân đá vào chân của T5 làm T5 té ngã xuống đường. K tiếp tục đá thêm 01 cái vào mông của T5 rồi tiếp tục đuổi đánh nhóm thanh niên xã Thống Nhất. Trong thời gian này, L cũng đuổi đánh T chạy về hướng xã Thống Nhất, nhưng không đuổi kịp, khi đến đoạn đường đối diện trước nhà bà Triệu Thị T2, thấy T5 đang té nằm trên đường với tư thế nhấc đầu để đứng dậy. L dùng chân phải đang mang giày đá mạnh vào vùng đầu T5 khoảng 02 đến 03 cái, rồi bỏ đi đến cổng nhà bà T2 tìm hung khí để tiếp tục ra đánh nhóm thanh niên xã Thống Nhất, nhưng được mọi người can ngăn. Hậu quả anh T5 bị chấn thương nặng, bất tỉnh được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện đến ngày 26/3/2009 thì tử vong.

[2.1]. Đối với hành vi của bị cáo Phạm Duy L: Bị cáo khai “...*Khi T5 nằm trên mặt đường trong tư thế nằm ngửa. Tôi dùng chân phải đá trúng vào vùng thái dương bên trái của T5. Tôi đá mạnh nên đầu T5 nghiêng sang bên phải. Khi này tôi tiếp tục đá T5 khoảng 2-3 cái vào gáy, sau đó giày bị trượt nên không đánh T5 nữa* ...”

Lời khai của Phạm Duy L ngày 05/11/2019 (BL 1416) thể hiện “*Lúc đó T5 nằm ngửa, tôi dùng chân phải đi giày da màu đen đá vào vùng đầu bên trái (vùng thái dương trái...)*”

Biên bản hỏi cung ngày 27/12/2019 Phạm Duy L khai: “*Tôi vẫn khẳng định là tôi có đi giày da đế cứng màu đen đá nhiều cái vào đầu anh T5*”

Tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 12/2020/TgT ngày 14/02/2020 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Bình Phước kết luận: Khi bị can đi giày (vật chứng giám định) đá vào đầu phía thái dương của Trương Thanh T5 với lực mạnh, nhiều lần có thể gây ra được những tổn thương trên đầu của Trương Thanh T5.

Đồng thời, tại Bản án số 589/2018/HSPT ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã khẳng định việc bị cáo L kêu oan cho rằng không thực hiện hành vi giết bị hại là không có căn cứ.

Như vậy, có cơ sở để xác định: Ngày 23/3/2009, sau khi xô xát đánh nhau giữa hai nhóm thanh niên của xã Thống Nhất và xã Phước Sơn thì chính bị cáo L đã bị Chu Quang T ném đá vào vùng mặt chảy máu nên L bức tức đã hô hào “*đánh chết mẹ quân T3 Nhất*”, tiếp đó bị cáo L đã có hành vi dùng chân mang giày đế cứng đá nhiều cái vào đầu và vùng thái dương của bị hại T5 làm cho bị hại tử vong do chấn thương sọ não.

Hành vi trên của bị cáo Phạm Duy L là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo L là người có đủ năng lực nhận T5 và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo L biết rõ việc dùng chân mang giày đá nhiều cái vào đầu và vùng thái dương của bị hại là nguy hiểm đến tính mạng của anh T5 nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm tước đoạt mạng sống của bị hại. Hành vi trên của bị cáo Phạm Duy L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì, chỉ vì trước đó bị cáo L bị đánh (ném đá trúng vào vùng mặt chảy máu) nên bị cáo đã bức tức, hô hào “*đánh chết mẹ quân Thống Nhất*”. Khi gặp T5 đang nằm trên đường bị cáo L đã đá nhiều cái vào vùng đầu và vùng thái dương của bị hại làm bị hại tử vong. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người coi thường tính mạng của người khác, coi thường pháp luật. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Phạm Duy L phạm tội “Giết người” với tình tiết định Kng tăng nặng “có tính chất côn đồ” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất mức độ của hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến tính mạng của bị hại là khách thể đặc biệt được pháp luật hình sự ưu tiên bảo vệ, bởi lẽ mạng sống của con người là bất khả xâm phạm, không ai có quyền tước đoạt một cách trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện, gây đau thương mất mát không gì bù đắp được cho gia đình bị hại, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau cho bị cáo L: Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 06/8/2008 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích thì lại tiếp tục phạm tội nghiêm trọng hơn nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhìn nhận ra lỗi lầm của mình nên tự nguyện bồi thường khắc

phục một phần hậu quả cho đại diện hợp pháp của bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do bị cáo L được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên để thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nên cần quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của Kng hình phạt theo Điều 54 Bộ luật hình sự, tạo điều kiện cho bị cáo L có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời lao động để tiếp tục bồi thường khắc phục phần còn lại cho đại diện hợp pháp của bị hại.

[2.2]. Đối với hành vi của bị cáo Lương Văn K: Bản án số 632/2011/HSPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục 394) đã hủy trong đó có lý do cho rằng: Có dấu hiệu của tội “Giết người” với vai trò đồng phạm, có yếu tố nhân quả do trước đó K có đánh, đá T5 ngã xuống đường. Sau đó L mới tác động sau dẫn đến nạn nhân chết. Cơ quan tiến hành tố tụng đã làm rõ. Cụ thể:

- + K không nghe và không tiếp nhận được ý chí của L về việc L nói “*đánh chết mẹ quân Thống Nhất*”.

- + Theo Công văn số 47 ngày 14/01/2016 của Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lời (bút lục 700): Hành vi của K là đánh, đá bằng tay, chân làm bị hại ngã xuống đường nhựa cũng không gây ra thương tích như Kết luận giám định pháp y số 104 ngày 30/3/2009.

Tại Bản án số 589/2018/HSPT ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2016/HSST ngày 06/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước với lý do để làm rõ hành vi của Lương Văn K có dấu hiệu của tội “Giết người” với vai trò đồng phạm. Tuy nhiên, sau khi tiến hành điều tra lại thì kết quả đối với hành vi của K không thay đổi. Về phía bị cáo Phạm Duy L khẳng định tại biên bản hỏi cung ngày 27/12/2019: “*Tôi không bàn bạc, rủ rê hay tiếp nhận ý T5 từ K trong việc đánh anh T5*”.

Như vậy, đối với hành vi của bị cáo K, Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy hai lần để yêu cầu làm rõ dấu hiệu của tội “Giết người” với vai trò đồng phạm. Kết quả sau khi hủy án cơ quan điều tra đã tiến hành đầy đủ các biện pháp lấy lời khai, đối chất, thực nghiệm điều tra. Mặc dù K là người tham gia đánh anh T5 nhưng K không bàn bạc với L và không tiếp nhận câu nói của L “*đánh chết mẹ quân Thống Nhất*”, việc bị cáo K đánh T5 là do tự phát, nghe nói “có ai đó đánh em của K tên là Hải” nên bị cáo K mới đánh T5 và một số người khác.

Do vậy, cái chết của bị hại T5 không phải do hành vi của K gây ra nên không có căn cứ xác định bị cáo K đồng phạm với bị cáo L về tội “Giết người”.

Tuy nhiên, Bị cáo Lương Văn K nhận thức rõ việc tham gia đánh nhau ở K vực đông người, đường liên xã, nơi công cộng, gây hỗn loạn trật tự là hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, hậu quả làm 01 người chết. Hành vi của bị cáo Lương Văn K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[2.3]. Đối với hành vi của bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Ngọc T1: Các bị cáo tham gia đánh nhau quyết liệt, nơi xảy ra đánh nhau như đã phân tích là khu vực đông người, đường liên xã là nơi công cộng gây hỗn loạn, các bị cáo sử dụng ván gỗ, cây lồ ô, đá để đánh nhau, hậu quả làm 01 người chết đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi của các bị cáo Chu Quang T, Nguyễn Ngọc T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Văn K, Chu Quang T, Nguyễn Ngọc T1 là nguy hiểm cho xã hội. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Lương Văn K, Chu Quang T là người đã đủ 18 tuổi, riêng Nguyễn Ngọc T1 là người dưới 18 tuổi nhưng đều nhận thức rõ việc tham gia đánh nhau là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo K tích cực hơn so với bị cáo T và T1. Chính bị cáo K là người đã đánh bị hại T5 và đánh một số người khác nên bị cáo K phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T và T1.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo K, T và T1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo K, T chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo T1 là người phạm tội dưới 18 tuổi nên được áp dụng quy định tại Chương XII Bộ luật hình sự đối với người phạm tội dưới 18 tuổi. Ngoài ra, quá trình điều tra bị cáo T1 đã ra đầu thú nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo T1 có nhân thân xấu, năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện B xét xử về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[4]. Đối với các đối tượng Triệu Quang B tham gia đánh Nguyễn Ngọc T1, Phạm Duy T3 đánh Chu Quang T, hành vi có dấu hiệu phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tuy nhiên, Triệu Quang B đã bị đưa vào cơ sở giáo dục (thời hạn 24 tháng) theo Quyết định số 30 ngày 05/01/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh BPhước. Còn Phạm Duy T3 xét chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 23 Bộ luật hình sự và không còn thời hiệu xử lý hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chu Văn Hải L1, Lương Văn H, Hà Chí T4 không tham gia đánh nhau, không gây rối trật tự công cộng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo Phạm Duy L bồi thường thiệt hại tổng là 80.000.000 đồng.

Bị cáo L đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền mà đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu. Xét thấy, đây sự tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

Do tại giai đoạn điều tra bị cáo L đã nộp số tiền 30.000.000 đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản tạm giữ số 39490904690300000 ngày 07/11/2019 của Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước nên bị cáo L phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 50.000.000 đồng cho ông Á, bà Th.

Đối với Lương Văn K tham gia đánh Hà Chí T4 bị thương tích nhẹ, do bị hại không yêu cầu, Chu Quang T có hành vi dùng đá ném trúng mặt Phạm Duy L nhưng thương tích nhẹ, L không yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án: 01 cái chày giã gia vị bằng INOX màu trắng, dài 20cm (cán và thân đều bằng inox) do bị cáo lấy của nhà bà Triệu Thị T2 để thực hiện tội phạm. Bà T2 không yêu cầu trả lại nên HĐXX căn cứ vào Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng nêu trên.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Phạm Duy L, Lương Văn K, Chu Quang T và Nguyễn Ngọc T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Duy L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Duy L phạm tội “Giết người”; Các bị cáo Lương Văn K, Chu Quang T và Nguyễn Ngọc T1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Duy L 11 (mười một) năm 25 (hai mươi lăm) ngày tù. Thời hạn phạt tù bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Phạm Duy L nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Áp dụng khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lương Văn K 17 (mười bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 29/8/2014 đến ngày 29/10/2014 và từ ngày 12/6/2015 đến ngày 16/5/2016.

Xử phạt bị cáo Chu Quang T 16 (mười sáu) tháng 01 (một) ngày tù, bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam. Bị cáo đã chấp hành xong.

Áp dụng khoản 1 Điều 245 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 90, 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T1 10 (mười) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 09/8/2013 đến ngày 15/8/2013 và thời gian thi hành án từ ngày 07/11/2016 đến ngày 20/6/2019. Bị cáo đã chấp hành xong.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 604, 605, 610 Bộ luật dân sự năm 2005;

Buộc bị cáo Phạm Duy L phải bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Trương Á, bà Ngô Thị T tổng số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Do bị cáo L đã nộp số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) theo giấy nộp tiền vào tài khoản tạm giữ số 39490904690300000 ngày 07/11/2019 của Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Phước nên bị cáo L phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) cho ông Trương Á và bà Ngô Thị T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 cái chày giã gia vị bằng INOX màu trắng, dài 20cm (cán và thân đều bằng inox).

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Phạm Duy L, Lương Văn K, Chu Quang T và Nguyễn Ngọc T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Duy L phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh BPhước;
- Cục THADS tỉnh BPhước;
- CQĐT, PV06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Trại tạm giam Công an T. Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án-Tổ HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh